

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Bản án số: 06/2017/HSST
Ngày 28/12/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Danh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Khoa Nam

2. Ông Điều Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thị xã Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2017/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo;

Họ và tên: Nguyễn Thị Hồng T (Hồng N), sinh năm 1976; Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, P. M, TX. P, tỉnh Ninh Thuận; Nơi cư trú: Địa chỉ: Kp. T, P. T, TX. D, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật Giáo; Trình độ học vấn: 01/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: Nguyễn Hồng H (đã chết); mẹ: Đỗ Thị Thanh L (đã chết); Bị cáo có 06 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1989, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình; Chồng: Phạm Văn B, sinh năm 1972, Bị cáo có 02 người con, sinh năm 1995 và 1999; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 12/7/2007 đến ngày 10/12/2007 được tại ngoại và bị bắt tạm giam lại từ ngày 17/10/2017 cho đến nay.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông NCQLNVLQ1, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Kp. T, P. T, TX. D, tỉnh Bình Dương.

2. NCQLNVLQ2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Kp. T, P. T, TX. D, tỉnh Bình Dương.

3. NCQLNVLQ3, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Kp. T, P. T, TX. D, tỉnh Bình Dương.

4. NCQLNVLQ4, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

5. NCQLNVLQ5, sinh năm 1966.

Địa chỉ: P. L, TX. P, tỉnh Bình Phước.

6. NCQLNVLQ6, sinh năm 1965

Địa chỉ: P. L, TX. P, tỉnh Bình Phước.

7. NCQLNVLQ7, sinh năm 1959.
Địa chỉ: P. G, Q. G, TP. Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2005, NCQLNVLQ1 và Nguyễn Thị Hồng T từ quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh chuyển đến phường P sống chung với nhau như vợ chồng và hành nghề bán vé số. Sau đó kết hợp vừa bán vé số vừa ghi số đề với quy mô nhỏ lẻ. Đến ngày 19/6/2006, NCQLNVLQ1 và T đến thuê nhà trọ của bà NCQLNVLQ6 tại khu phố F, phường L, thị xã P để bán vé số và ghi số đề. Đến tháng 10/2006 có thêm NCQLNVLQ3 và tháng 3/2007 có NCQLNVLQ2 (cả hai đều là con riêng của NCQLNVLQ1) đến ở chung với NCQLNVLQ1 và T. Trong thời gian, NCQLNVLQ1 tổ chức việc ghi số đề, cụ thể công việc của từng người như sau: Nguyễn Thị Hồng T hàng ngày lo công việc nội trợ và có nhiệm vụ thu gom tiền ghi số đề và phơ đề về cho NCQLNVLQ1 tổng hợp để fax đi thành phố Hồ Chí Minh; NCQLNVLQ3 hàng ngày đi bán vé số kết hợp ghi số đề từ 07 giờ đến 11 giờ; NCQLNVLQ2 hàng ngày đi ghi số đề và trả tiền cho người tham gia chơi số đề thắng cược trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến 15 giờ 30.

Ngoài ra trong năm 2007 còn có Nguyễn Hồng D, sinh năm 1990 là em của Nguyễn Thị Hồng T từ tỉnh Ninh Thuận đến chơi và giúp T ghi số đề. Cùng thời điểm này NCQLNVLQ1 lôi kéo cháu gái của NCQLNVLQ1 là NCQLNVLQ4 tham gia việc ghi số đề cho NCQLNVLQ1, bằng cách: NCQLNVLQ1 thuê căn nhà của bà Nguyễn Thị Kim N, tại thôn B, xã B, huyện P với giá 3.000.000đ/01tháng, T bị máy fax và điện thoại cố định để NCQLNVLQ4 hàng ngày ở đó bán vé số và ghi số đề, đến cuối ngày thì NCQLNVLQ4 fax cho NCQLNVLQ1 số đề đã ghi, sau đó NCQLNVLQ1 tổng hợp tất cả phơ đề ghi trong ngày, fax đi thành phố Hồ Chí Minh theo số điện thoại 08.5881145 cho đối tượng tên L. Sau khi kết quả xổ số đã xổ từ khoảng thời gian 18 giờ đến 18 giờ 30 mỗi ngày NCQLNVLQ1 hoặc T sẽ đến gặp NCQLNVLQ4 thu tiền ghi số đề, đồng thời chi phần tiền trúng cược của ngày hôm đó cho NCQLNVLQ4 để NCQLNVLQ4 trả thưởng cho những người thắng cược. Mỗi ngày NCQLNVLQ1 trả tiền công cho NCQLNVLQ4 giao động từ 50.000đ đến 70.000đ. Sau khi thu gom tiền ghi đề (khoảng 7 đến 10 ngày), NCQLNVLQ1 sẽ gửi tiền cho L qua xe khách của Nguyễn Tấn H làm chủ và ngược lại nếu người chơi trúng nhiều hơn thì L sẽ gửi tiền cho NCQLNVLQ1 qua xe khách này để chung cho người thắng cược.

Ngoài việc ghi số đề gửi đi thành phố Hồ Chí Minh cho Lý để hưởng phần trăm lợi nhuận, NCQLNVLQ1 và T còn nhiều lần giữ lại số tiền đã ghi số đề để ăn thua trực tiếp với người chơi đề.

Hình thức chơi số đề như sau: Người chơi đề sẽ ghi 02 con số của 18 lô giải thưởng hoặc 03 con số của 17 lô giải thưởng của kết quả xổ số kiến thiết xổ trong ngày. Người chơi 02 con số của giải tám gọi là “đánh đầu”, ghi 02 con số cuối của

giải đặc biệt gọi là “đánh đuôi”, ghi 02 con số ở cả 18 giải thưởng gọi là “bao lô 02 số”, ghi 03 con số ở cả 17 giải thưởng gọi là “bao lô 03 số”. Tỷ lệ thắng, thua của đánh số đầu, số đuôi và bao lô 02 số là 01 ăn 70 (có nghĩa nếu ghi 1.000đ, trúng thì được 70.000đ). Tỷ lệ thắng, thua của bao lô 03 số là 01 ăn 500 (có nghĩa nếu ghi 1.000đ, trúng thì được 500.000đ). Sau khi Công ty xổ số kiến thiết công bố kết quả trúng thưởng, lúc này những người chơi sẽ đối chiếu số đã ghi với chủ đề. Nếu số đã ghi trùng với kết quả xổ số kiến thiết thì những người chơi sẽ thắng cuộc với số tiền theo tỷ lệ như trên, nếu kết quả xổ số không trùng với số mà người chơi đã ghi thì chủ đề thắng. Trong trường hợp NCQLNVLQ1 và T gửi số đề đi thành phố Hồ Chí Minh thì NCQLNVLQ1 và T được hưởng lợi 03% số tiền ghi đề thu được. Trường hợp NCQLNVLQ1 và T giữ lại số tiền ghi số đề để ăn thua trực tiếp với người chơi đề thì ăn thua được tính theo tỷ lệ như trên. Nhằm mục đích thu hút người chơi đề NCQLNVLQ1 cũng thông nhất trừ đi từ 10 % đến 15% tổng số tiền người chơi đề đặt cược.

Nhận được tin báo của nhân dân, khoảng 16 giờ 30 ngày 12/7/2007 phòng Cảnh sát điều tra về trật tự xã hội công an tỉnh Bình Phước kết hợp với công an huyện Phước Long (cũ) tiến hành kiểm tra nhà trọ của bà NCQLNVLQ6 phát hiện và bắt quả tang Nguyễn Thị Hồng T đang ghi số đề cho NCQLNVLQ5, khi NCQLNVLQ5 đang ghi số 21, hình thức đánh đầu – đuôi với số tiền 2.000đ.

Tang vật thu giữ tại nơi T và NCQLNVLQ2 ghi số đề gồm:

- Số tiền 2.755.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi lăm ngàn đồng);
- 140.000đ (một trăm bốn mươi ngàn đồng) kèm chung với 01 phơ đề ngày 11/7/2007 – Đồng Nai;
- Tám phơ đề trong quyển sổ màu đen;
- Mười hai kẹp giấy trắng;
- Một sổ tay bìa màu đen, kích thước (20x30)cm bên trong có ghi nhiều chữ số;
- Hai cây bút bi;
- Một bàn nhựa màu đỏ kích thước (40x60)cm, cao 50cm; 01 ghế bằng kim loại bọc vải dù màu xanh trắng;

- Thu giữ trên người T: 1.900.000đ (một triệu chín trăm ngàn đồng).

Tang vật thu giữ tại nơi NCQLNVLQ1 đang tổng hợp phơ đề gồm:

- Một máy tính hiệu Casino CA 9933;
- Một điện thoại di động hiệu Motorola L6;
- Một điện thoại di động hiệu Nokia 6030;
- Một bút bi màu đen;
- Ba tờ giấy khổ A4 có ghi nhiều chữ số;
- Một tờ giấy dùng để fax khổ A4;
- Bốn mươi tám phơ đề ghi ngày 12/7/2007;
- Một bàn nhựa màu đỏ + một ghế nhựa màu đỏ.

Khám xét tại phòng ngủ của NCQLNVLQ1 và T thu giữ:

- 37.887.000đ (Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi bảy ngàn đồng);
- Một lắc đeo tay + năm nhẫn + một dây chuyền bằng kim loại màu vàng;

- Một điện thoại bàn hiệu Miswi + Một máy Fax màu đen hiệu SamPo;
- Một điện thoại di động hiệu Motorola V3;
- Một quyển vở học sinh, trong đó có tám tờ ghi nhiều chữ số;
- Một hộ khẩu gia đình mang tên NCQLNVLQ1 + một phơ đề ghi ngày 08/4
- TG + Hai phơ đề ghi ngày 04/7 – DN và 05/4/TN;
- Một số phơ đề bị ẩm ướt dính vào nhau (không rõ số lượng) + Một số tờ giấy A4 kẻ ô và ghi chữ số;
- Một thùng giấy dùng để fax và một số giấy trắng kích thước (04x30)cm.

Thu giữ nơi NCQLNVLQ1 ở gồm:

- Một xe mô tô hiệu Novou màu đen, biển số: 51Y1-4524, số máy: 2B52-32953, số khung: 039253;
- Một xe mô tô hiệu Novou màu đỏ - trắng, biển số: 53V4-0536, số máy: 005630, số khung: 0056609;
- Một xe mô tô hiệu Future màu đỏ, biển số: 52N6-9417, số máy: 10468373, số khung: 0021A008148;
- Hai giấy bán xe viết tay, ba giấy đăng ký xe mô tô mang tên: Nguyễn Văn M, biển số: 52N6-9417; Đinh Đức T, biển số: 49T4-7166; Nguyễn Quốc T, biển số: 53V4 – 0536.

Trong lúc đoàn công tác đang lập biên bản phạm tội quả tang thì có NCQLNVLQ4 đi xe Mô tô hiệu Ware DAMSAN, biển số: 99F6 – 3364, số máy: 00007273, số khung: 007273 đến nhà NCQLNVLQ1 giao phơ đề. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám xét và thu giữ trên người NCQLNVLQ4 gồm: hai tờ giấy A4 có ghi số đề với số tiền ghi trên phơ đề là: 5.574.000đồng(Năm triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn đồng) cùng chiếc xe trên.

Tiến hành khám xét nơi ở của NCQLNVLQ4 tại thôn B,xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước thu giữ: bảy phơ đề.

Quá trình điều tra đã chứng minh được như sau:

- Ngày 08/4/2007 đài Tiền Giang: đánh đầu đuôi là: 24.000đ;
- Ngày 01/6/2007 đài Tiền Giang: đánh đầu đuôi là: 2.246.000đ; bao lô hai số là: 5.634.000đ; sừ chủ: 117.000đ; bao lô ba số: 545.000đ;
- Ngày 20/6/2007 đài Đồng Nai: đánh đầu đuôi là: 2.634.000đ; bao lô hai số: 4.032.000đ; sừ chủ: 36.000đ; bao lô ba số: 85.000đ;
- Ngày 21/6/2007 đài Tây Ninh: đánh sừ chủ: 15.000đ;
- Ngày 22/6/2007 đài Bình Dương: đánh đầu đuôi 36.000đ;
- Ngày 01/7/2007 đài Vũng Tàu: đánh đầu đuôi: 2.790.000đ; bao lô hai số: 4.050.000đ; sừ chủ: 43.000đ; bao lô ba số: 187.000đ;
- Ngày 04/7/2007 đài Đồng Nai: đánh đầu đuôi: 96.000đ; bao lô hai số: 1674.000đ; bao lô ba số: 170.000đ;
- Ngày 06/7/2007 đài Bình Dương: đánh đầu đuôi: 2.000đ; bao lô hai số: 126.000đ;
- Ngày 08/7/2007 đài Tiền Giang: đánh đầu đuôi: 24.000đ;
- Ngày 10/7/2007 đài Vũng Tàu: đánh đầu đuôi: 4.239.000đ; bao lô hai số: 7.092.000đ; bao lô ba số: 2.159.000đ;

- Ngày 11/7/2007 đài Tây Ninh: đánh đầu đuôi: 5.295.000đ; bao lô hai số: 6.174.000đ; bao lô ba số: 544.000đ;

- Chưa xác định được ngày và đài: đánh đầu đuôi: 15.165.000đ; bao lô hai số: 34.782.000đ; sừ chủ: 15.000đ; bao lô ba số: 3.234.000đ;

Vậy tổng số tiền đánh đầu đuôi là: 36.357.000đ; tổng số tiền đánh bao lô hai số là: 74.127.000đ; tổng số tiền đánh sừ chủ là: 315.000đ; tổng số tiền đánh bao lô ba số là: 7.428.000đ.

Căn cứ Nghị quyết số: 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 và Nghị quyết số: 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao thì tổng số tiền NCQLNVLQ1 cùng đồng phạm đánh đề là: $((36.357.000đ + 74.127.000đ) \times 70 + (36.357.000đ + 74.127.000đ)) + ((315.000đ + 7.428.000đ) \times 500) + (315.000đ + 7.428.000đ) = 7.844.364.000đ + 3.379.243.000đ = 11.723.607.000đ$.

Số tiền ghi đề ngày 12/7/2007 NCQLNVLQ1 chưa chuyển đi là: 12.013.000đ.

Số tiền NCQLNVLQ1 thu lợi bất chính là: $(36.357.000đ + 74.127.000đ + 315.000đ + 7.428.000đ) = 118.227.000đ \times 3\% = 3.546.810đ$.

Số tiền NCQLNVLQ4 thu lợi bất chính từ ngày 29/02/2007 đến ngày 11/7/2007, tổng cộng là 133 ngày $\times 60.000đ$ (số tiền trung bình mỗi ngày NCQLNVLQ1 trả cho NCQLNVLQ4) = 7.980.000đ.

Đối với NCQLNVLQ3, NCQLNVLQ2, Nguyễn Thị Hồng T là vợ và con của NCQLNVLQ1 nên NCQLNVLQ1 không chia tiền hàng ngày vì vậy không xác định được số tiền thu lợi bất chính của những người này.

Quá trình điều tra các bị can đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Đối với Nguyễn Thị Hạnh, NCQLNVLQ3, NCQLNVLQ2, NCQLNVLQ1 cùng những người liên quan, trong thời gian bị cáo T bỏ trốn đã được Tòa án đưa ra xét xử và xử lý theo quy định của pháp luật, nên không đề cập xử lý lại.

Đối với các vật chứng thu giữ trong vụ án đã được đề cập xử lý theo các bản án số 25/2011/HSST ngày 20/4/2011, số 32/2016/HSST ngày 12/8/2016 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long nên không đề cập xử lý.

Đối với 01 lắc đeo tay, 05 nhẫn, 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng và số tiền 37.887.000 đồng là tài sản của NCQLNVLQ1, Hiện nay đã trả lại cho NCQLNVLQ1, ông NCQLNVLQ1 không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập xử lý.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 14/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Nguyễn Thị Hồng T về tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố khẳng định nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, vì vậy đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 249, các điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T từ 20.000.000đồng

đến 25.000.000đồng, tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.755.000 đồng. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, bị cáo không có ý kiến tranh luận về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác đối với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau;

Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã Phước Long, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Hồng T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố đối với bị cáo, phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để khẳng định: Từ cuối năm 2005, NCQLNVLQ1 cùng Nguyễn Thị Hồng T đến thị xã Phước Long bán vé số, sau đó kết hợp ghi số đề nhỏ lẻ rồi tổ chức việc ghi số đề gửi đi thành phố Hồ Chí Minh để hưởng tiền hoa hồng. Trong vụ án này Nguyễn Thị Hồng T phạm tội với vai trò đồng phạm với NCQLNVLQ1, cụ thể: Hàng ngày, T đi chợ, nấu ăn, nhận phơ đề, tiền đưa cho NCQLNVLQ1 tổng hợp sau đó gửi đến thành phố Hồ Chí Minh để hưởng phần trăm lợi nhuận từ tháng 09/2005 đến năm 2007 đã phạm vào tội Tổ chức đánh bạc được quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát Nhân dân thị xã Phước Long truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét toàn bộ vụ án, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh ra nhiều tệ nạn xã hội khác, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài không qua lao động chân chính nên cần xem xét xử bị cáo với mức án phù hợp nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, nên cần xem xét áp dụng Điều 47 của Bộ

luật hình sự xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với NCQLNVLQ4 cùng tổ chức đánh bạc trong cùng vụ án đã bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xét xử theo Bản án số: 25/2011/HSST ngày 20/4/2011 và đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với NCQLNVLQ2 và NCQLNVLQ3 cùng tổ chức đánh bạc trong cùng vụ án đã bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xét xử theo Bản án số: 16/2013/HSST ngày 09/4/2013 và đã có hiệu lực pháp luật. Đối với NCQLNVLQ1 cùng tổ chức đánh bạc trong cùng vụ án đã bị Tòa án nhân dân thị xã Phước Long xét xử theo Bản án số: 32/2016/HSST ngày 12/8/2016 và đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Đối với các vật chứng thu giữ trong vụ án đã được đề cập xử lý theo bản án số 25/2011/HSST ngày 20/4/2011 của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long và bản án số 32/2013/HSST ngày 12/8/2016 nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

Đối với 01 lắc đeo tay, 05 nhẫn, 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng và số tiền 37.887.000 đồng là tài sản của NCQLNVLQ1, Hiện nay đã trả lại cho NCQLNVLQ1, ông NCQLNVLQ1 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Số tiền 2.755.000 đồng thu giữ tại nhà NCQLNVLQ1, đây là tiền ghi số đề mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Đối với đề nghị của đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1, 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T từ 20.000.000đồng đến 25.000.000đồng xét thấy bị cáo sau được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại chờ xử lý thì bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương, đến ngày 17/10/2017 bị bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phước Long, vì vậy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên bị cáo đã bị tạm giam thời gian dài, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự xử phạt tù bằng thời hạn tạm giam cho bị cáo và xử phạt tiền bổ sung đối với bị cáo là đã thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Về án phí HSST: Bị cáo T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng T (Hồng N) phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

2. Áp dụng khoản 1 khoản 3 Điều 249; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng T (Hồng N) 07 tháng 09 ngày tù bằng thời hạn tạm giam, từ ngày 12/7/2007 đến ngày 10/12/2007 và từ ngày 17/10/2017 đến ngày 28/12/2017, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 227 và khoản 2 Điều 255 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Xử phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Hồng T (Hồng N) số tiền 10.000.000đồng.

3. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41, 42 của Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.755.000 đồng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30 tháng 5 năm 2008 của cơ quan thi hành án dân sự huyện Phước Long.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương, nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND và CCTHADS thị xã Phước Long;
- Sở tư pháp và Công an tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Danh